

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA  
HUYỆN TUYÊN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TM-BG

Tuyên Hóa, ngày 10 tháng 12 năm 2024

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**Kính gửi:** Quý các Công ty.

Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu mua hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa năm 2025.

Nay đơn vị thông báo đến các công ty có đủ năng lực kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia gửi báo giá cho một hoặc nhiều phần danh mục hàng hóa như sau:

*(Có danh mục kèm theo)*

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 10/12/2024 đến 8 giờ ngày 23/12/2024.

Hình thức nhận báo giá: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, tiểu khu Tam Đồng - Thị trấn Đồng Lê – Tuyên Hóa – Quảng Bình.

Hoặc qua E-mail: [khoaduocbvth@gmail.com](mailto:khoaduocbvth@gmail.com)

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Phan Tiến Dũng, trưởng khoa dược, Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, SĐT: 0919419357

Bệnh viện rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lâm Tuấn Phương**

## DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo thư mời chào giá số: /TM-BG ngày 10 tháng 12 năm 2024)

### A. Gói thầu số 1: Mua hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa năm 2025

| STT                                                    | STT theo phần | Tên hóa chất, vật tư                                                                | Tiêu chuẩn kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Quy cách | ĐVT | Khối lượng | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|------------|---------|
| <b>PHẦN 1: HÓA CHẤT CHẠY CHO MÁY ĐÔNG MÁU ACLELITE</b> |               |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |     |            |         |
| 1                                                      | 1             | Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động | Dung dịch sử dụng để làm sạch và tẩy nhiễm hệ thống tương thích trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần tối thiểu gồm dung dịch sodium hypoclorit.                                                                                                                                                   | 1x80mL   | Hộp | 5          |         |
| 2                                                      | 2             | Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu                      | Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho XN đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định $\geq 24$ giờ nhiệt độ 2-8 độ C với XN Fibrinogen, $\geq 8$ giờ nhiệt độ 2-8 độ C với các XN yếu tố | 10x1mL   | Hộp | 2          |         |
| 3                                                      | 3             | Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động              | Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần Acid hydrochloric $< 0.5\%$ . Dạng Lỏng.                                                                                                                                                                                 | 1x500mL  | Hộp | 5          |         |

|   |   |                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |     |    |  |
|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----|----|--|
| 4 | 4 | Hóa chất dùng để pha loãng trên hệ thống phân tích đông máu                                            | Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống đông máu. Dạng Lỏng.                                                                                                                                                                                                                | 1x100mL       | Hộp | 5  |  |
| 5 | 5 | Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss trên máy phân tích đông máu | Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen-Clauss. Dạng Bột khô. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) $\geq 3$ ngày nhiệt độ 2-8 độ C, $\geq 1$ tháng nhiệt độ -20 độ C, $\geq 3$ ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy (ACL TOP), $\geq 8$ giờ nhiệt độ 15 độ C trên máy (ACL Classic)   | 10x2mL        | Hộp | 10 |  |
| 6 | 6 | Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu                    | Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT,APTT, TT,Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường Dạng Bột khô. Thời gian ổn định $\geq 24$ giờ với XN PT,APTT,Fibrinogen,TT | 10x1mL        | Hộp | 2  |  |
| 7 | 7 | Hóa chất đo thời gian PT dành cho máy phân tích đông máu                                               | Hóa chất dùng để XN thời gian PT, ISI $\leq 1,05$ . Dạng Bột khô và chất đệm pha loãng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) $\geq 10$ ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C và $\geq 4$ ngày ở 15 độ C trên máy                                                                               | 5x8mL+5x8mL   | Hộp | 5  |  |
| 8 | 8 | Hóa chất đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu                                             | Hóa chất dùng để XN thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng Lỏng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) $\geq 30$                                                                                                                                                  | 5x10mL+5x10mL | Hộp | 5  |  |

|    |    |                                                                                   |                                                                                                                                              |                        |      |    |  |
|----|----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|----|--|
|    |    |                                                                                   | ngày nhiệt độ 2-8 độ C , $\geq 10$ ngày<br>nhiệt độ 15 độ C trên máy (ACL TOP)<br>, $\geq 3$ ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy<br>(ACL Classic) |                        |      |    |  |
| 9  | 9  | Hóa chất dung dịch dùng để<br>xúc rửa trên hệ thống phân<br>tích đông máu tự động | Dạng lỏng, thành phần bao gồm<br>Sodium azide $\leq 0.1\%$                                                                                   | 1000ml                 | Bình | 20 |  |
| 10 | 10 | Cóng phản ứng dạng khay<br>dùng cho hệ thống máy đông<br>máu tự động              | Cóng phản ứng dùng trên hệ thống<br>máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn<br>khay tròn chứa 20 cóng phản ứng.                                  | 100rotorx2<br>0cuvette | Hộp  | 5  |  |

## PHẦN 2: HÓA CHẤT CHẠY CHO MÁY AU 480

|    |   |                                                                                              |                                                                                                  |       |     |   |  |
|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|---|--|
| 11 | 1 | Hóa chất kiểm chứng mức 2<br>cho xét nghiệm Ammonia,<br>Ethanol và CO2                       | Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch<br>đậm, chứa: amoniac, ethanol, natri<br>hydrocarbonat     | 3x5mL | Hộp | 5 |  |
| 12 | 2 | Hóa chất hiệu chuẩn cho xét<br>nghiệm Ammonia, Ethanol và<br>CO2                             | Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch<br>đậm, chứa: đậm amoniac, ethanol,<br>natri hydrocarbonat | 2x5mL | Hộp | 5 |  |
| 13 | 3 | Hóa chất kiểm chứng mức 1<br>cho xét nghiệm Ammonia,<br>Ethanol và CO2                       | Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch<br>đậm, chứa: amoniac, ethanol, natri<br>hydrocarbonat     | 3x5mL | Hộp | 5 |  |
| 14 | 4 | Chất chuẩn cho các xét<br>nghiệm sinh hóa thường quy<br>có nguồn gốc từ huyết thanh<br>người | Dạng bột đông khô, thành phần: huyết<br>thanh người                                              | 5x5mL | Lọ  | 5 |  |

|    |    |                                                                                                |                                                                             |                   |      |    |  |
|----|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------|----|--|
| 15 | 5  | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1 | Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người                            | 5x5mL             | Lọ   | 5  |  |
| 16 | 6  | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2 | Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người                            | 5x5mL             | Lọ   | 5  |  |
| 17 | 7  | Hóa chất định lượng Canxi                                                                      | Imidazol Buffer pH 6.5: 100mmol/L, Arsenazo III: 120mmol/L.                 | 6 x20ml           | Hộp  | 3  |  |
| 18 | 8  | Chất chuẩn cho xét nghiệm HDL/LDL CHOLESTEROL DIRECT                                           | Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người                                   | 1x1mL             | Hộp  | 1  |  |
| 19 | 9  | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol                                        | "Dải đo: 2.72-180 mg/dL (0,07 – 4,66 mmol/L) Phương pháp đo quang"          | 4x60 mL + 4x20 mL | Hộp  | 1  |  |
| 20 | 10 | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol                                        | "Dải đo: 1.54-700 mg/dL (0,04-18,1 mmol/L) Phương pháp đo quang"            | 2x60 mL + 2x20 mL | Hộp  | 2  |  |
| 21 | 11 | Dung dịch rửa                                                                                  | Dung dịch rửa; Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%; Chất vệ sinh cô đặc | 450ml             | Bình | 3  |  |
| 22 | 12 | Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine                                                        | Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED; Dải đo: 0.04-20 mg/dL                       | 5x60ml+5 x60mL    | Hộp  | 2  |  |
| 23 | 13 | Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol                                                           | Dải đo: 2.40 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE       | 1x20ml+1 x7ml     | Hộp  | 15 |  |

|                                   |    |                                                       |                                                                                                                                                                                         |                |          |     |  |
|-----------------------------------|----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|-----|--|
| 24                                | 14 | Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose                  | Phương pháp: Glucose oxidase/oxidase;Dải đo:3.6 - 500 mg/dL (0.199 -27.5 mmol/L)                                                                                                        | 10x60mL        | Hộp      | 2   |  |
| 25                                | 15 | Dây bơm nhu động                                      | Làm bằng cao su và nhựa, chiều dài tổng 10.7 cm, (+/- 2mm), chiều dài phần cao su 8.8 cm (+/- 2mm), đường kính 5 mm (+/- 1 mm)                                                          | 2cái/túi       | Túi      | 5   |  |
| 26                                | 16 | Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV              | Phương pháp: Urease / Glutamate dehydrogenase;Dải đo:3.69 - 300 mg/dL                                                                                                                   | 8x60ml+8 x15mL | Hộp      | 2   |  |
| 27                                | 17 | Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa                   | Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc | 1x5l           | Can      | 10  |  |
| <b>PHẦN 3: HÓA CHẤT HUYẾT HỌC</b> |    |                                                       |                                                                                                                                                                                         |                |          |     |  |
| 28                                | 1  | Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu A             | Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A hệ nhóm máu ABO.                                                                                                                          | Lọ 10 ml       | Lọ       | 20  |  |
| 29                                | 2  | Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu AB            | Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A,B hệ nhóm máu ABO                                                                                                                         | Lọ 10 ml       | Lọ       | 20  |  |
| 30                                | 3  | Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu B             | Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên B hệ nhóm máu ABO                                                                                                                           | Lọ 10 ml       | Lọ       | 20  |  |
| 31                                | 4  | Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu hệ Rh(D)      | Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên D hệ Rh                                                                                                                                     | Lọ 10ml        | Lọ       | 30  |  |
| 32                                | 5  | Dung dịch ly giải sử dụng cho máy phân tích huyết học | Ammonium < 0.25%<br>Sodium Lauryl Sulfate < 0.04%                                                                                                                                       | Lọ 500ml       | Lọ (Hộp) | 120 |  |

|                                            |   |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                             |                                |             |     |  |
|--------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-----|--|
| 33                                         | 6 | Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy phân tích huyết học | Sodium Chloride < 0.9%,<br>Potassium Chloride < 0.2%,<br>Buffer < 0.2%,<br>Stabiliser <0.01%                                                                                                                                                                | Thùng 20 lít                   | Thùng (Hộp) | 120 |  |
| <b>PHẦN 4: HÓA CHẤT SINH HÓA - VI SINH</b> |   |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                             |                                |             |     |  |
| 34                                         | 1 | Hóa chất định lượng CK-MB                               | R1: Imidazol, pH 6.7<br>D-Glucose<br>N-Acetyl-L-Cysteine<br>Magnesium acetate<br>NADP<br>EDTA<br>Hexokinase<br>R2: ADP<br>AMP<br>di-Adenosine-5- pentaphosphate<br>Glucose-6-phosphate dehydrogenase<br>Creatine phosphate<br>Hộp (R1:5x25 mL) (R2:1x32 mL) | R1: 5 x 25 ml<br>R2: 1 x 32 ml | Hộp         | 10  |  |
| 35                                         | 2 | Hóa chất định lượng Creatinin kinase                    | R1: Imidazol pH 6.7, D-Glucose, N-Acetyl-L-Cysteine, Magnesium acetate, NADP, EDTA, Hexokinase.<br>R2: ADP, AMP, di-Adenosine-5-pentaphosphate, Glucosa-6-phosphate deshydrogenase, Creatinine phosphate<br>Hộp: R1: 5 x 25 ml<br>R2: 1 x 32 ml             | R1: 5 x 25 ml<br>R2: 1 x 32 ml | Hộp         | 10  |  |

|    |   |                                   |                                                                                                                                                                                                     |                                |     |    |  |
|----|---|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----|----|--|
| 36 | 3 | Hóa chất định lượng Creatinin     | Thành phần:<br>- R1: Picric acid<br>- R2: Sodium hydroxide<br>Hộp R1: 3x60ml; R2: 3x60ml                                                                                                            | R1: 3 x 60 ml<br>R2: 3 x 60 ml | Hộp | 15 |  |
| 37 | 4 | Hóa chất định lượng Glucose       | Thành phần:<br>TRIS pH 7.4<br>Phenol<br>Glucose oxidase (GOD)<br>Peroxidase (POD)<br>4 – Aminophenazone (4-AP)                                                                                      | 6 x 60ml                       | Hộp | 15 |  |
| 38 | 5 | Hóa chất định lượng Triglycerides | Thành phần:<br>GOOD pH 6.3<br>p-Chlorophenol<br>Lipoprotein lipase (LPL)<br>Glycerol kinase (GK)<br>Glycerol-3-oxidasa (GPO)<br>Peroxidase (POD)<br>4 – Aminophenazone (4-AP)<br>ATP                | 6 x 60ml                       | Hộp | 10 |  |
| 39 | 6 | Hóa chất định lượng Uric acid     | Thành phần:<br>- R1: Phosphate pH 7.4<br>2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS)<br>- R2: Uricase<br>Peroxidase (POD)<br>Ascorbate oxidase<br>4 – Aminophenazone (4-AP)<br>Hộp R1: 3x60 ml; R2: 3x60 ml | 3 x 60ml /<br>R2: 3 x 60ml     | Hộp | 7  |  |

|    |    |                                      |                                                                                                                                                    |                                |      |     |  |
|----|----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------|-----|--|
| 40 | 7  | Hóa chất định lượng Total Proteins   | Sodium potassium tartrate: 15mmol/L;<br>Sodium iodide: 100mmol/L; Potassium iodide: 5mmol/L; Copper (II) sulphate: 19 mmol/L.                      | 6 x 60ml                       | Hộp  | 7   |  |
| 41 | 8  | Hóa chất định lượng Albumin          | Bromcresol green pH 4,2: 0,12mmol/L.                                                                                                               | 6x60ml                         | Hộp  | 2   |  |
| 42 | 9  | Hóa chất định lượng Total Bilirubin  | R1: Surfactants: <1%, Hydrochloric acid (HCl): 160mM;<br>R2: 2.4-DPD : >=2mM, Hydrochloric acid (HCl): 120mM, Sulfactant: <1%                      | R1: 4 x 40 ml<br>R2: 2 x 20 ml | Hộp  | 3   |  |
| 43 | 10 | Hóa chất định lượng Direct Bilirubin | R1: Sulfamic acid: 100mM;<br>R2: 2.4-DPD: 0.5mM, Hydrochloric acid (HCl): 0.3M                                                                     | R1: 4 x 40 ml<br>R2: 2 x 20 ml | Hộp  | 3   |  |
| 44 | 11 | Hóa chất định lượng Cholesterol      | Thành phần:<br>PIPES pH 6.9<br>Phenol<br>Cholesterol esterase (CHE)<br>Cholesterol oxidase (CHOD)<br>Peroxidase (POD)<br>4 – Aminophenazone (4-AP) | 6 x 60ml                       | Hộp  | 10  |  |
| 45 | 12 | Hóa chất định lượng Urea             | Thành phần:<br>- R1: TRIS pH 7.8<br>alpha-Ketoglutarate<br>Urease;<br>- R2: GLDH<br>NADH                                                           | 4 x 40ml /<br>2 x 20ml         | Hộp  | 15  |  |
| 46 | 13 | Thuốc thử định lượng HbA1c           | Test định lượng HbA1c                                                                                                                              | Hộp 30 test                    | test | 600 |  |

|    |    |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                             |      |    |  |
|----|----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------|----|--|
| 47 | 14 | Nước rửa kim - Probecleaner         | Chất tẩy rửa có tính kiềm cực mạnh được sử dụng để loại bỏ các chất kết tủa và thuốc thử bám trên đầu lấy mẫu và đầu rửa của máy phân tích ( Natri hypochloride<10%)                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 10 test                                 | test | 20 |  |
| 48 | 15 | Hóa chất định lượng Cholesterol LDL | R1 (Enzymes): PIPES Buffer, Cholesterol Esterase, Cholesterol oxidase, Catalase, TOOS;<br>R2 (Enzymes): PIPER Buffer, 4-Aminoantipyrine (4-AA), Peroxidase.                                                                                                                                                                                                                                | R1: 10 x 24 ml<br>R2: 10 x 8ml              | Hộp  | 10 |  |
| 49 | 16 | Hóa chất định lượng Cholesterol HDL | R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 6.6: 100mM, N-(2-hydroxy-3-sulopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0.7mM, Cholesterol Esterase: >=800U/L, Cholesterol oxidase: >=500U/L, Catalase: >=300U/L, Ascorbic oxidase: >=3000U/L; R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7.0: 1.1mmol/L, 4-Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM, Peroxidase: >=3500U/L. | R1: 10 x 24 ml<br>R2: 10 x 8ml              | Hộp  | 10 |  |
| 50 | 17 | Hóa chất định lượng CRP             | Thành phần:<br>- R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8.2. Preservative.<br>- R2: Latex particles coated with goat IgG antihuman CRP, pH 7.3.                                                                                                                                                                                                                                                     | Hộp (R1: 2x30 ml; R2: 1x15 ml; CAL: 1x1 ml) | Hộp  | 30 |  |

|    |    |                                                             |                                                                                                                                                |                                             |     |    |  |
|----|----|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|----|--|
|    |    |                                                             | Preservative.<br>- CRP-CAL: Chất hiệu chuẩn.                                                                                                   |                                             |     |    |  |
| 51 | 18 | Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2 | Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người. Kiểm soát 66 thông số Sinh hóa.                                                          | 20 x 5 ml                                   | HỘP | 2  |  |
| 52 | 19 | Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3 | Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người. Kiểm soát 66 thông số Sinh hóa                                                           | 20 x 5 ml                                   | HỘP | 2  |  |
| 53 | 20 | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2        | Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người. Hiệu chuẩn 38 thông số Sinh hóa                                                          | 20 x 5 ml                                   | HỘP | 2  |  |
| 54 | 21 | Hóa chất định lượng anti-streptolysin O (ASO)               | R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8.2. Preservative.<br>R2: Latex partic coated with streptolysin O, pH 10.0 Preservative. Calibrator. Human serum | Hộp (R1: 2x30 ml; R2: 1x15 ml; CAL: 1x1 ml) | Hộp | 10 |  |
| 55 | 22 | Hóa chất định lượng g-GT                                    | R1(Buffer): TRIS pH 8.6: 100mmol/L, Glycylglycine: 100 mmol/L;<br>R2(Substrate): L-gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 3mmol/L.           | 4 x 40 ml /<br>2 x 20 ml                    | Hộp | 10 |  |

**PHẦN 5: HÓA CHẤT CHẠY CHO MÁY POCT CLIA C5000**

|    |   |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |      |     |  |
|----|---|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
| 56 | 1 | Xét nghiệm định lượng tổng triiodothyronine (TT3) | <p>Xét nghiệm này được dùng để định lượng tổng triiodothyronine (TT3) huyết thanh và huyết tương của người trong ống nghiệm. Bộ xét nghiệm được sử dụng như một công cụ hỗ trợ chẩn đoán bệnh tuyến giáp.</p> <p>- Nguyên lí xét nghiệm: miễn dịch hoá phát quang vi hạt đông khô CRET</p> <p>- Thời gian phản ứng: 5 phút.</p> <p>- Các đặc điểm về hiệu năng và thông số kỹ thuật gồm:</p> <p>Độ chính xác: <math>\leq 15\%</math>.</p> <p>Giới hạn phát hiện: <math>\leq 0,3 \text{ nmol/L}</math></p> <p>Độ tuyến tính: (0,3- 10) nmol/L</p> <p>Độ chính xác trong lô: <math>CV \leq 8\%</math></p> <p>Độ chính xác giữa các lô: <math>CV \leq 15\%</math></p> <p>Độ ổn định: 18 tháng</p> <p>Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30oC</p> <p>Quy cách đóng gói: 25 xét nghiệm</p> | Hộp 25 test | Test | 300 |  |
|----|---|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|

|    |   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |      |     |  |
|----|---|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
| 57 | 2 | Bộ xét nghiệm Thyroxine tự do | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét nghiệm này được dùng để định lượng Thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương của người trong ống nghiệm. Bộ xét nghiệm được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán bệnh tuyến giáp.</li> <li>- Nguyên lí xét nghiệm: miễn dịch hoá phát quang vi hạt đông khô CRET</li> <li>- Thời gian phản ứng: 5 phút.</li> <li>- Các đặc điểm về hiệu năng và thông số kỹ thuật gồm:<br/> Độ chính xác: <math>\leq 15\%</math><br/> Giới hạn phát hiện: <math>\leq 0,5</math> pmol/L<br/> Độ tuyến tính: (0,5-100) pmol/L<br/> Độ chính xác trong lô: <math>CV \leq 10\%</math><br/> Độ chính xác giữa các lô: <math>CV \leq 15\%</math><br/> Độ ổn định: 18 tháng<br/> Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30oC<br/> Quy cách đóng gói: 25 xét nghiệm</li> </ul> | Hộp 25 test | Test | 300 |  |
|----|---|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|

|    |   |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |      |     |  |
|----|---|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
| 58 | 3 | Bộ xét nghiệm Hormone kích thích tuyến giáp (TSH) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét nghiệm này dùng để định lượng hormone kích thích tuyến giáp TSH trong huyết thanh và huyết tương của người trong ống nghiệm. Bộ xét nghiệm được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán bệnh tuyến giáp..</li> <li>- Nguyên lí xét nghiệm: miễn dịch hoá phát quang vi hạt đông khô CRET</li> <li>- Thời gian phản ứng: 10 phút.</li> <li>- Các đặc điểm về hiệu năng và thông số kỹ thuật gồm:<br/> Độ chính xác: <math>\leq 15\%</math><br/> Độ chính xác: <math>\leq 10\%</math><br/> Giới hạn phát hiện: <math>\leq 0,005 \mu\text{IU/mL}</math><br/> Độ chính xác trong lô: <math>\text{CV} \leq 8\%</math><br/> Biến thiên giữa các lô: <math>\text{CV} \leq 15\%</math><br/> Độ tuyến tính: <math>(0.005-100) \mu\text{IU/mL}</math><br/> Độ đặc ổn định: 18 tháng<br/> Nhiệt độ bảo quản: 2 - 30°C<br/> Quy cách đóng gói: 25 xét nghiệm</li> </ul> | Hộp 25 test | Test | 300 |  |
|----|---|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|

|    |   |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |      |     |  |
|----|---|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
| 59 | 4 | Bộ xét nghiệm Hemoglobin A1c | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét nghiệm này được dùng để định lượng Hemoglobin A1c trong máu toàn phần của người trong ống nghiệm. Bộ xét nghiệm được sử dụng như một công cụ hỗ trợ theo dõi tình trạng đường huyết mãn tính ở bệnh nhân tiểu đường.</li> <li>- Nguyên lí xét nghiệm: miễn dịch hoá phát quang vi hạt đông khô CRET</li> <li>- Thời gian phản ứng: 5 phút.</li> <li>- Các đặc điểm về hiệu năng và thông số kỹ thuật gồm:<br/> Độ chính xác: <math>\leq 10\%</math>.<br/> Giới hạn phát hiện: <math>\leq 3,5 \%</math><br/> Độ tuyến tính: <math>3,5-20,0 \%</math><br/> Độ chính xác giữa các lô: <math>CV \leq 15\%</math><br/> Độ chính xác trong lô: <math>CV \leq 10\%</math><br/> Nhiệt độ bảo quản: <math>2-30^{\circ}\text{C}</math><br/> Độ ổn định: 18 tháng<br/> Quy cách đóng gói: 25 xét nghiệm</li> </ul> | Hộp 25 test | Test | 750 |  |
|----|---|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|

**PHẦN 6: HÓA CHẤT CHẠY CHO MÁY F200**

|    |   |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |      |     |  |
|----|---|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
| 60 | 1 | Xét nghiệm định lượng TSH             | <p>Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định lượng nồng độ TSH trong mẫu huyết thanh</p> <p>Thời gian đọc kết quả 15 phút.</p> <p>Thành phần: Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng kháng-PPR. Vạch thử: kháng thể đơn dòng kháng TSH.</p> <p>Đệm liên hợp: Kháng thể đơn dòng kháng-TSH</p> <p>Khoảng xét nghiệm: 0.1 ~ 100 mIU/mL</p> <p>Bảo quản: từ 2-30 độ C</p> <p>Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất.</p> <p>Là test thử theo máy Standard F200</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE</p> | Hộp 20 test | Test | 300 |  |
| 61 | 2 | Xét nghiệm định lượng T4 (thyroxin 4) | <p>Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định lượng nồng độ T4 - thyroxin 4 trong mẫu huyết thanh</p> <p>Thời gian đọc kết quả 15 phút.</p> <p>Thành phần: Thẻ xét nghiệm: T4-BSA, Anti-PPR, kháng thể kháng T4-hạt nano vàng, PPR-TC8-hạt nano vàng.</p> <p>Khoảng xét nghiệm: 20 ~ 300 nmol/L</p> <p>Bảo quản: từ 2-30 độ C</p> <p>Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất.</p>                                                                                                                    | Hộp 20 test | Test | 300 |  |

|    |   |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                   |                |      |     |  |
|----|---|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|-----|--|
|    |   |                                                                        | Là test thử theo máy Standard F200<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE                                                                                                                                                         |                |      |     |  |
| 62 | 3 | Định lượng nồng độ T3 để<br>chẩn đoán rối loạn chức năng<br>tuyến giáp | Định lượng nồng độ T3 -<br>Triiodothyronine trong mẫu huyết<br>thanh<br>Thời gian đọc kết quả 15 phút.<br>Mẫu: huyết thanh<br>Bảo quản: từ 2-30C<br>Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản<br>xuất.<br>Là test thử theo máy Standard F. | Hộp 20<br>test | Test | 300 |  |

#### PHẦN 7: SINH PHẨM

|    |   |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |      |      |  |
|----|---|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------|--|
| 63 | 1 | Khay thử xét nghiệm định tính<br>kháng thể kháng HCV | Định tính phát hiện các kháng thể<br>kháng HCV trong huyết thanh hoặc<br>huyết tương người. Có dung dịch đệm<br>đi kèm. Dạng khay.<br>- Độ nhạy : 100% 100% (99.53% -<br>100%); độ đặc hiệu : 99.78%%<br>(99.36% - 99.95%); độ chính xác:<br>99.85 ( 99.56%-99.97%) so với các xét<br>nghiệm nhanh thương mại.<br>- Kit thử ổn định 150 ngày khi ở nhiệt<br>độ 45 độ C<br>- Không bị gây nhiễu bởi các loại chất<br>có khả năng gây nhiễu mẫu phẩm chứa<br>0,2 mg/mL Axit Ascorbic, 10 mg/mL<br>Hemoglobin, 0,6 mg/mL Bilirubin, 0,2<br>mg/mL Axit Gentisuric, 1 mg/mL 4-<br>Acetaminophen, 0,2 mg/mL Axit | Hộp/40<br>test | Test | 1000 |  |
|----|---|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------|--|

|    |   |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |      |     |  |
|----|---|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
|    |   |                                                            | <p>Acetylsalicylic, 0,2 mg/mL Caffeine, 0,2 mg/mL Axit Oxalic, 0,6 mg/mL Axit Uric, 20 mg/mL Albumin, 0,2 mg/mL EDTA và 50 mg/mL Triglyceride.</p> <p>- Đạt chứng nhận ISO, CE Mark, EUFSC, có chứng chỉ FSC từ 2 nước trở lên</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |      |     |  |
| 64 | 2 | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 | <p>- Sử dụng để phát hiện định tính kháng thể HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Có dung dịch đệm đi kèm. Dạng khay</p> <p>- Độ nhạy : 99.9% (99.3%-100.0%); độ đặc hiệu: 99.6%(99.1%-99.9%); độ chính xác: 99.8% (99.4%-99.9%) so với xét nghiệm HIV EIA thương mại hàng đầu</p> <p>- Thẻ tích mẫu sử dụng: 25 uL, Kit thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C</p> <p>- Thành phần: Vạch chứng (C): Streptavidin (0,032~0,401µg)</p> <p>- Không bị phản ứng giả gây nhiễu bởi các chất Ascorbic acid, Haemoglobin, Bilirubin, Gentisuric acid, Acetoaminophen, Acetylsalicylic acid, Caffeine, Oxalic acid, Uric acid.</p> <p>- Giấy phép lưu hành do BYT phân loại D</p> <p>- Đạt chứng nhận ISO, FSC</p> | Hộp 40 test | Test | 500 |  |

|    |   |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |              |      |      |  |
|----|---|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|------|--|
| 65 | 3 | Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B | <p>Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Dạng khay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100% ( 98,0%-100%); độ đặc hiệu : 96,8% (92,6%-98,9%), độ chính xác: 98.3% ((96.2%-99.4%) so với phương pháp tham chiếu EIA.</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 1 ng/mL</li> <li>- Ổn định đến nhiệt độ 45 độ C trong 77 ngày</li> <li>- Thành phần: Vạch chứng (C): Kháng thể IgG dễ kháng chuột 0.161µg~.1.204µg, Vạch thử (T): Kháng thể kháng HBsAg 0.321~ 1,204µg, Cộng hợp vạch thử: kháng thể HBsAg: 0.188-1.486 µg/ test</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT cấp thuộc phân loại D</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO, FSC</li> </ul> | Hộp/40 test  | Test | 2500 |  |
| 66 | 4 | Que thử nước tiểu 10 thông số Multistix 10 SG                       | <p>Que thử nước tiểu 10 thông số Multistix 10SG được dùng cho máy phân tích nước tiểu Clinitek Status và Clinitek Advantus. Hãng sản xuất: Siemens. Nước sản xuất: Ba Lan - Các thông số xét nghiệm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid),SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hộp 100 test | Test | 2000 |  |

|    |   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |      |      |  |
|----|---|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|------|--|
| 67 | 5 | Que thử nước tiểu dùng cho máy phân tích nước tiểu               | Chủng loại: Cybow 11. Đây là que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite. Dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu DFI Cybow                                                                                                                                                                                                                                    | Hộp 100 Cái  | Test | 5000 |  |
| 68 | 6 | Que xét nghiệm định tính và bán định lượng 11 thông số nước tiểu | Chứng chỉ ISO 131485 . Đây là que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, máu, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite , tỷ trọng. Dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu DIRUI                                                                                                                                                                                                                                                | Hộp 100 test | Test | 5000 |  |
| 69 | 7 | Dengue NS1 antigen Test Card                                     | Định tính để phát hiện sốt xuất huyết NS1 kháng nguyên trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người<br>Độ nhạy: 97,50%. Độ đặc hiệu: 99,28%. Độ chính xác: 98,75%.<br>Phát hiện protein NS1 trong cả 4 loại vi rút sốt xuất huyết lysate I, II, III và IV.<br>Giới hạn phát hiện: 0,25 ng/mL trên kháng nguyên Dengue NS1 tái tổ hợp từ typ huyết thanh 2 (DEN2)<br>Không phát hiện hiệu ứng móc câu với kháng nguyên Dengue NS1 ở nồng độ lên tới 200 µg/mL. | Hộp 25 test  | Test | 500  |  |

|    |   |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |      |     |  |
|----|---|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
|    |   |                                    | Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, có 2 CFS từ 2 nước trở lên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |      |     |  |
| 70 | 8 | OnSite TB IgG/IgM Combo Rapid Test | <p>Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium tuberculosis (M. TB) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Dạng khay. Tỷ lệ dương tính phù hợp: 84,1%. Độ nhạy tương quan: 87,2%, độ đặc hiệu tương quan: 94,6% và độ chính xác tương quan: 93,2% so với khay thử TB IgG ELISA.</p> <p>Không phản ứng chéo với các mẫu bệnh phẩm: CMV, ANA, Sốt rét, HAMA, HCV, HIV, Giang mai và RF (lên đến 2500IU/mL)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO</p> | Hộp 25 test | Test | 300 |  |

|    |   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |      |      |  |
|----|---|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|------|--|
| 71 | 9 | Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng Syphilis | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện các kháng thể IgG&amp;IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.</li> <li>- Độ nhạy : 99.5% ( 98.1%-99,9%); độ đặc hiệu : 99.8% ( 98.9%-100.0%), độ chính xác: 99.7% ( 99.0%-99,9%) so với phương pháp TPHA</li> <li>- Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 1:1024 mẫu dương tính với giang mai</li> <li>- Kít thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C</li> <li>- Thành phần: Cộn hợp vạch chứng C: Biotin (0,009-0,067μg); Vạch chứng (C): Streptavidin (0,161-0,963μg)</li> <li>- Không có phản ứng chéo với mẫu HBsAg dương tính, HBsAb dương tính, HBeAb dương tính, HBcAb dương tính, kháng HIV dương tính, Yếu tố dạng thấp (RF), kháng HCV dương tính và kháng Lao dương tính.</li> <li>- Dạng que. HSD 24 tháng.</li> <li>- Giấy phép lưu hành do BYT phân loại C</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO, CE Mark, EUFSC</li> </ul> | Hộp 50 test | Test | 5000 |  |
|----|---|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|------|--|

|                               |    |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |      |     |  |
|-------------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|-----|--|
| 72                            | 10 | Trang thiết bị y tế chẩn đoán nhanh 04 chất gây nghiện: Thuốc phiện, Thuốc lắc, Ma túy đá, Bò đà (MOP-MDMA-MET-THC) trong nước tiểu | Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất. | Hộp/15 test | Test | 700 |  |
| <b>Tổng cộng 72 mặt hàng.</b> |    |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |      |     |  |

**B. Gói thầu số 2: Mua vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa năm 2025**

| STT                     | STT theo phần | Tên hóa chất, vật tư | Tiêu chuẩn kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                             | Quy cách | ĐVT  | Khối lượng | Ghi chú |
|-------------------------|---------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|------------|---------|
| <b>PHẦN 1: NHA KHOA</b> |               |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |      |            |         |
| 1                       | 1             | Composite đặc màu A2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu tự nhiên</li> <li>- Khả năng kháng gãy, độ bền và kháng mòn cao</li> <li>- Độ co ngót thấp giúp tăng độ bền và giảm nhạy cảm</li> <li>- Dễ sử dụng: 12 màu - Dễ đánh bóng - Không dính. Màu A2. Tuýp 4g</li> </ul> | Tuýp 4g  | Tuýp | 3          |         |

|   |   |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |      |   |  |
|---|---|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|---|--|
| 2 | 2 | Composite đặc màu A3         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu tự nhiên</li> <li>- Khả năng kháng gãy, độ bền và kháng mòn cao</li> <li>- Độ co ngót thấp giúp tăng độ bền và giảm nhạy cảm</li> <li>- Dễ sử dụng: 12 màu - Dễ đánh bóng - Không dính. Màu A3. Tuýp 4g</li> </ul>                                                     | Tuýp 4g   | Tuýp | 3 |  |
| 3 | 3 | Composite đặc màu A3.5       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Màu tự nhiên</li> <li>- Khả năng kháng gãy, độ bền và kháng mòn cao</li> <li>- Độ co ngót thấp giúp tăng độ bền và giảm nhạy cảm</li> <li>- Dễ sử dụng: 12 màu - Dễ đánh bóng - Không dính. Màu A3.5. Tuýp 4g</li> </ul>                                                     | Tuýp 4g   | Tuýp | 3 |  |
| 4 | 4 | Composite lỏng A2            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Composite trám răng dùng trong nha khoa. Ít co rút, giảm vi kẽ. Chịu lực tốt. Cảm quang tốt. Độ chảy lỏng phù hợp. Màu sắc và duy trì độ bóng sau trám tốt. Màu A2. Tuýp 1,5g</li> </ul>                                                                                     | Tuýp 1,5g | Tuýp | 4 |  |
| 5 | 5 | Keo dán đa năng Prime & Bond | <ul style="list-style-type: none"> <li>Có etching primer và bond tất cả trong một.</li> <li>Công thức tối ưu từ Đức tạo lớp dán dính đồng nhất tuyệt đối.</li> <li>Không chứa thành phần TECDMA/MMA tạo nên lực kết nối mạnh trên bề mặt men răng tự nhiên.</li> <li>Có thể sử dụng trong cả kỹ thuật tự</li> </ul> | Lọ 5ml    | Lọ   | 4 |  |

|   |   |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |      |   |  |
|---|---|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|---|--|
|   |   |                             | etching (self-etch) và etching chọn lọc (selective-etch).                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |      |   |  |
| 6 | 6 | Etching nha khoa – Acid 37% | Axit soi mòn răng, nồng độ 37% H3 PO4, độ nhót cao, dễ kiểm soát soi mòn và rửa sạch                                                                                                                                                                                                                                                                          | Gói 3 tuýp  | Tuýp | 4 |  |
| 7 | 7 | Tăm bông vô trùng           | Sử dụng trong điều trị răng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hộp 100 que | Hộp  | 2 |  |
| 8 | 8 | Cone chính                  | Cone chính có độ chính xác cao, đạt tiêu chuẩn ISO.<br>Độ ổn định cao, bề mặt được xử lý tốt giúp dễ dàng đưa vào ống tủy đã được sửa soạn.<br>Có các độ thuôn 2% dùng cho ống tủy được sửa soạn với trâm tay và độ thuôn 4% / 6% dùng cho ống tủy được sửa soạn bằng trâm máy. Sine 40                                                                       | Hộp 120 cây | Hộp  | 5 |  |
| 9 | 9 | Côn Gutta cho file máy      | Các điểm nội nha được cán tay được sử dụng để lấp đầy kênh đào đã chuẩn bị trước khi phục hồi răng.<br>Khả năng chịu lực tốt<br>Đảm bảo tính nhất quán về kích thước và hình dạng<br>Đảm bảo độ cứng và độ dai phù hợp với ISO 6877<br>Linh hoạt và mềm dẻo, dễ đưa vào ống tủy<br>Đảm bảo độ kín khít theo kích thước của ống tủy theo cả chiều dọc và ngang | Hộp 60 cây  | Hộp  | 5 |  |

|    |    |                               |                                                                                                                                                                                               |                        |      |   |  |
|----|----|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------|---|--|
|    |    |                               | <p>Đễ dàng nhận thấy trong X-ray</p> <p>Tuổi thọ lâu dài và độ tươi đảm bảo</p> <p>Có nhiều loại kích cỡ khác nhau để lựa chọn với taper 4%, 6%. và các size theo tiêu chuẩn ISO. Sine 30</p> |                        |      |   |  |
| 10 | 10 | Côn giấy thấm hút ống tủy     | <p>Vật liệu nha khoa thấm hút ống tủy trước khi trám bít</p> <p>Mã màu để dễ nhận biết.</p> <p>Có khả năng thấm hút cao.</p>                                                                  | Hộp 200 Cái            | Hộp  | 4 |  |
| 11 | 11 | Gel bôi trơn ống tủy          | <p>Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca<sup>+</sup></p> <p>- Rửa soạn ống tủy dễ dàng hơn nhờ tác dụng bôi trơn</p> <p>- Loại bỏ mủn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy.</p>                     | Tupe 7g                | Tuýp | 5 |  |
| 12 | 12 | Vật liệu trám bít ống tủy MTA | Cement phục hồi chất khoáng Trioxide tổng hợp. Hộp: 2g bột + 2ml nước                                                                                                                         | Hộp: 2g bột + 2ml nước | Hộp  | 2 |  |
| 13 | 13 | Trâm gai                      | Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Cán cầm chắc chắn, các gai đàn hồi, sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác. Số 10 .                                        | 6 cây/vĩ               | Vĩ   | 5 |  |
| 14 | 14 | Trâm gai                      | Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Cán cầm chắc chắn, các gai đàn hồi, sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác. Số 15 .                                        | 6 cây/vĩ               | Vĩ   | 5 |  |

|    |    |              |                                                                                                                                                                                                                                                   |          |    |    |  |
|----|----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|----|--|
| 15 | 15 | Trâm gai     | Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Cán cầm chắc chắn, các gai đàn hồi, sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác. Số 20 .6 cây/vĩ                                                                                    | 6 cây/vĩ | Vĩ | 5  |  |
| 16 | 16 | Trâm gai     | Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy.<br>Trâm gai làm từ chất liệu cao cấp, thiết kế sắc bén, chuyên dùng lấy tủy.<br>Thiết kế với cán cầm chắc chắn, các gai đàn hồi, sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác. Số 25 | 6 cây/vĩ | Vĩ | 5  |  |
| 17 | 17 | Trâm gai     | Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy.<br>Cán cầm chắc chắn, các gai đàn hồi, sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác. Số 30 .6 cây/vĩ                                                                                 | 6 cây/vĩ | Vĩ | 5  |  |
| 18 | 18 | K-File số 10 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                          | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 19 | 19 | H-File số 10 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                          | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 20 | 20 | K-File số 15 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                          | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 21 | 21 | H-File số 15 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                          | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |

|    |    |              |                                                                          |          |    |    |  |
|----|----|--------------|--------------------------------------------------------------------------|----------|----|----|--|
| 22 | 22 | K-File số 20 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 23 | 23 | H-File số 20 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 24 | 24 | K-File số 25 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 25 | 25 | H-File số 25 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 10 |  |
| 26 | 26 | K-File số 30 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 7  |  |
| 27 | 27 | H-File số 30 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 7  |  |
| 28 | 28 | K-File số 35 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 7  |  |
| 29 | 29 | H-File số 35 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 7  |  |
| 30 | 30 | K-File số 40 | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ | 6 cây/vĩ | vĩ | 7  |  |

|    |    |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |     |    |  |
|----|----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----|----|--|
| 31 | 31 | H-File số 40             | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6 cây/vĩ       | vĩ  | 7  |  |
| 32 | 32 | K-File số 8              | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6 cây/vĩ       | vĩ  | 15 |  |
| 33 | 33 | H-File số 8              | Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy. 6 cây/vĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6 cây/vĩ       | vĩ  | 15 |  |
| 34 | 34 | Mũi tạo độ thuận ống tủy | <p>Tạo lối vào ống tủy thông thoáng, hỗ trợ cho các dụng cụ sửa soạn tiếp theo có thể dễ dàng tạo hình 1/3 cổ của ống tủy.</p> <p>Sử dụng với tay chậm tốc độ 800-1200 vòng/phút.</p> <p>Đầu mũi không có tác dụng cắt nên không tạo khắc, dẫn đường vào ống tủy thuận lợi hơn.</p> <p>Có thể sử dụng kết hợp với đa số các dòng máy nội nha khác.</p> <p>Chất liệu thép không gỉ cao cấp, bền bỉ, sắc bén, hiệu quả nhanh. Sine 1,2,3,4</p> | 06 Mũi/<br>Hộp | Hộp | 1  |  |
| 35 | 35 | Lentulo                  | dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuỗi bằng thép không gỉ. 4 cây/vĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4 cây/vĩ       | Hộp | 10 |  |
| 36 | 36 | Calcium Hydroxide        | Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ/10g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lọ/10g         | Lọ  | 5  |  |

|    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |     |   |  |
|----|----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|---|--|
| 37 | 37 | Cement trám bít ống tủy<br>Cortisomol | Vật liệu có tính tương hợp sinh học và<br>cản quang. 25g/ hộp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 25g/ hộp         | Lọ  | 3 |  |
| 38 | 38 | Vật liệu trám răng Eugenol            | Thành phần là dầu Eugenol dùng phối<br>trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong<br>thủ thuật nha khoa. 30ml/lọ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 30ml/lọ          | Lọ  | 3 |  |
| 39 | 39 | Tay khoan nhanh                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Tay khoan loại 4 lỗ.</li> <li>* Tốc độ quay 350 - 450.000 vòng/<br/>phút.</li> <li>* Công suất cắt tối thiểu 20 W</li> <li>* Có vòng bi làm bằng sứ.</li> <li>* Có hệ thống làm sạch đầu tay khoan.</li> <li>* Có 1 điểm phun nước làm mát đầu<br/>tay khoan.</li> <li>* Chịu được hấp sấy tiệt trùng 135°C<br/>và máy rửa khử khuẩn nhiệt</li> </ul>                                                                                                                                                                                  | 01 chiếc/<br>Hộp | Cái | 2 |  |
| 40 | 40 | Tay khoan chậm                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ số truyền đồng tốc</li> <li>- Mũi khoan CA Ø2.35</li> <li>- Tốc độ tối đa 30,000 vòng/phút</li> <li>- Hấp sấy 135°C</li> <li>- Chuck bám</li> <li>- Khả năng tích hợp cao với các dòng<br/>ghế nha khoa và bộ<br/>thực hành nha khoa.</li> <li>- Chất liệu tay khoan làm từ hợp kim<br/>sắt không rỉ, mang lại<br/>độ bền cao trong quá trình sử dụng.</li> </ul> <p>Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu torque , tốc độ tối đa 22000 rpm:<br/>1;</li> <li>- Đầu khuỷu , tốc độ tối đa 30000 rpm:</li> </ul> | 01 chiếc/<br>Hộp | Cái | 1 |  |

|    |    |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |     |   |  |
|----|----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|---|--|
|    |    |                                    | 1<br>– Đầu thẳng, tốc độ tối đa 40000 rpm:<br>1                                                                                                                                                                                                                                                       |           |     |   |  |
| 41 | 41 | Mũi mở tủy Endo - Z                | Hình phễu dễ dàng đi vào buồng tủy, đầu không cắt bảo vệ sàn tủy, an toàn trong quá trình thực hiện.<br>Mũi khoan Endo Z mở tủy an toàn cho sàn tủy.<br>Lưỡi cắt sắc bén, mạnh mẽ, hiệu quả, giúp rút ngắn thời gian thao tác.<br>Chiều dài mũi: 21/ 25mm (chiều dài đầu làm việc 9mm)                | 10 mũi/Vỹ | Mũi | 2 |  |
| 42 | 42 | Mũi khoan BR-X31 mở tủy đầu tròn   | Mũi khoan được làm từ chất liệu chất lượng cao, đảm bảo độ sắc bén và độ bền trong quá trình sử dụng.<br>Sản phẩm đi kèm với nhiều loại mũi khoan có hình dáng và kích thước khác nhau, cho phép nha sĩ lựa chọn mũi phù hợp với từng nhiệm vụ và vị trí cụ thể trên răng. Kích thước BR-31; Vĩ 5 mũi | Vĩ 5 mũi  | Mũi | 3 |  |
| 43 | 43 | Mũi phẫu thuật cắt xương, cắt răng | Mũi phẫu thuật dùng để cắt xương, chia răng số 8, mở miệng khẩu cái. 5 mũi/hộp                                                                                                                                                                                                                        | 5 mũi/hộp | Mũi | 5 |  |
| 44 | 44 | Chất hàn tạm Cavition              | Sử dụng trong điều trị răng. Lọ 30g                                                                                                                                                                                                                                                                   | Lọ 30g    | Lọ  | 7 |  |
| 45 | 45 | Cement trám 9                      | Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. 15g/hộp                                                                                                                                                                                                         | 15g/hộp   | hộp | 4 |  |

|    |    |                              |                                                                                                                                                                             |                                      |     |    |  |
|----|----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----|----|--|
| 46 | 46 | Xi măng trám răng VII        | Là loại vật liệu Glass Ionomer phóng thích flouride mạnh được phát triển để bảo vệ những bề mặt có nguy cơ sâu răng cao                                                     | Hộp gồm 1 lọ bột 15g + 1 lọ nước 8ml | hộp | 2  |  |
| 47 | 47 | Cement trám 1                | Xi măng glass ionomer chứa strontium là chất gắn lý tưởng thường để gắn các phục hình kim loại thông dụng, cũng có thể được dùng để trám lót dưới các vật liệu trám. 35g/lọ | 35g/lọ                               | lọ  | 2  |  |
| 48 | 48 | Thăm trám                    | Thăm trám là một trong các dụng cụ bác sĩ sử dụng để thăm khám răng có thể móc, ngoặc các góc sâu, khó tiếp cận bên trong - Chất liệu: thép không gỉ                        | 01 cái/ Túi                          | Cây | 10 |  |
| 49 | 49 | Kẹp cầm máu kelly nhỏ        | Kẹp cầm máu kelly nhỏ bằng thép được làm từ chất liệu thép không gỉ an toàn - Dùng để kẹp bông băng, rửa vết thương                                                         | 01 cái/ Túi                          | Cái | 2  |  |
| 50 | 50 | Mặt gương phóng đại nha khoa | Dụng cụ nha khoa dùng trong quá trình thăm khám, hỗ trợ điều trị trong nha khoa. 12 cái/ hộp                                                                                | 12 cái/ hộp                          | Hộp | 1  |  |
| 51 | 51 | Cây hàn vàng chống dính      | Được thiết kế chuyên để hàn compostit thiết kế sang trọng , đầu hàn mỏng . chống dính , có độ đàn hồi,                                                                      | 01 cái/ Túi                          | cây | 1  |  |
| 52 | 52 | Cây nạo ổ răng               | 2 đầu có lòng máng ngược chiều nhau, dùng để nạo ổ răng nhiều chân. .Dùng để nạo những mô viêm trong ổ răng sau khi đã nhổ răng như u hạt viêm, nang răng.                  | 01 cái/ Túi                          | cây | 1  |  |

|    |    |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |     |   |  |
|----|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----|---|--|
| 53 | 53 | Lên ngang Spreaders      | Lên ngang có tác dụng tạo áp lực và khoảng trống để lên chặt cone vào trong ống tủy. Cán sản phẩm phân màu theo tiêu chuẩn ISO<br>Có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao<br>Dễ vệ sinh trong quá trình sử dụng.<br>Sản phẩm cần thiết cho quá trình trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Số 15-40 | 01 cái/ Túi | Hộp | 2 |  |
| 54 | 54 | Lên dọc Pluggers         | Lên dọc có tác dụng tạo áp lực bít cone theo hướng thẳng đứng sau khi làm nóng cone.<br>Có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao<br>Dễ vệ sinh trong quá trình sử dụng.<br>Cán sản phẩm phân màu theo tiêu chuẩn ISO. Số 15-40                                                                          | 01 cái/ Túi | Hộp | 2 |  |
| 55 | 55 | Cây nạo ngà đầu nhỏ      | Là dụng cụ dùng để lấy mô ngà răng, tủy răng và xi-măng trám tạm.                                                                                                                                                                                                                                     | 01 cái/ Túi | Cây | 1 |  |
| 56 | 56 | Mũi lấy cao răng đầu nhỏ | Mũi lấy cao được làm từ vật liệu chất lượng cao, đảm bảo độ bền và tính ổn định trong suốt quy trình lấy cao. Sản phẩm này tương thích với nhiều máy lấy cao Woodpecker phổ biến, tạo sự linh hoạt cho các quy trình nha khoa.<br>20 cái/vỡ, đầu mũi lấy cao của máy Woopecker                        | 20 cái/vỡ   | vỡ  | 1 |  |

|    |    |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |      |   |  |
|----|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------|---|--|
| 57 | 57 | Bay trám          | Nĩa nha, bẫy nhà, kìm nha-Bay đánh chất hàn răng trong nha khoa. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO.                                                                                                                                                            | 1 cái/gói  | cái  | 2 |  |
| 58 | 58 | Chỉ co nước       | Được làm từ 100% cotton, được tẩm qua epinephrine HCl hoặc aluminum sulfate để cầm máu.<br>Chỉ có cấu trúc sợi xoắn, được đan dệt chắc chắn, ổn định. Dùng để tách nước trước khi lấy máu và loại bỏ máu, nước bọt, và dịch mô còn sót lại trong khe nước.                                                                          | 2.44m/lọ   | Lọ   | 1 |  |
| 59 | 59 | Dầu xịt tay khoan | Sản phẩm đạt tiêu chuẩn FDA và tiêu chuẩn cộng đồng châu Âu.<br>Giúp tay khoan hoạt động trơn tru hơn, tăng tuổi thọ cho ốc tay khoan nha khoa.                                                                                                                                                                                     | Chai 550ml | chai | 1 |  |
| 60 | 60 | Giấy cắn          | Giấy cắn chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ. Giấy cắn mỏng, mịn, có độ dai và kháng rách rất tốt. Ghi dấu một cách chính xác các điểm chạm khớp. Màu sắc bền vững, ít gây dính nhiễm màu trên miệng, găng tay hoặc dụng cụ thao tác. Độ dày 80µm. Hai màu xanh, đỏ. | Hộp 10 xấp | hộp  | 2 |  |

|    |    |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |     |    |  |
|----|----|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----|----|--|
| 61 | 61 | Giấy đánh chất hàn        | Dùng trộn vật liệu trong nha khoa. Giấy đánh dày không thấm nước. Bay trộn làm từ nhựa dẻo giúp thao tác dễ dàng.                                                                                                                                                                                            | Hộp 10 tập   | Tập | 1  |  |
| 62 | 62 | Ống hút nước bọt nha khoa | Kích thước: ống Ø6,5 mm - chiều dài 140 mm. Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống                                                                                                                                                                                                     | Gói 100 cái  | Gói | 10 |  |
| 63 | 63 | Bông cầm máu              | Xốp cầm máu tự tiêu gelatin 10x10x10 mm dùng trong nha khoa. Dễ dàng sử dụng. Cầm máu hiệu quả. Độ thấm hút cao lên đến 50 lần trọng lượng của nó. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. Hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần. Đóng gói tiệt trùng. Hộp 24 miếng. Sản xuất tại Châu Âu tiêu chuẩn ISO, CE và ISO13485 | Hộp 24 miếng | Hộp | 5  |  |

## PHẦN 2: PHIM X-QUANG

|    |   |                            |                                                                                                                           |            |     |     |  |
|----|---|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|--|
| 64 | 1 | Phim X Quang DI-HT 20X25cm | Kích cỡ: 20X25cm Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim nhiệt model: DryPix 2000/3000, Drypix Lite. | 100 tờ/hộp | Hộp | 210 |  |
| 65 | 2 | Phim X-quang DI-HL 35x43cm | - Kích thước 35cmx43cm. - Công nghệ in: khô, laser. - Tương thích với máy in phim khô laser Fuji, Drypix series:          | 100 tờ/hộp | Hộp | 30  |  |

|                            |   |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                              |               |      |     |  |
|----------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------|-----|--|
|                            |   |                                     | Drypix Plus (Drypix 4000), Drypix Smart (Drypix 6000), Drypix 7000, Drypix Edge (Drypix 8000)                                                                                                                                                                |               |      |     |  |
| 66                         | 3 | Phim X-Quang nha khoa rửa nhanh     | Phim lớp D theo tiêu chuẩn ISO. Kích thước 30,5 x 40,5mm. -Phim và nước rửa được đựng trong tút nhựa đảm bảo tiêu chuẩn y tế . Quy cách đóng gói: 50 film/hộp.                                                                                               | 50 film/hộp.  | Hộp  | 30  |  |
| <b>PHẦN 3: VẬT TƯ Y TẾ</b> |   |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                              |               |      |     |  |
| 67                         | 1 | Băng gạc hút nước                   | Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước < 5s. 10cmx5m | 10 cuộn/gói   | Cuộn | 500 |  |
| 68                         | 2 | Băng thun                           | Nguyên liệu: Dệt từ sợi cao su và sợi polyester. Ngoại quan: Mềm, mịn, có độ đàn hồi. Màu trắng. Độ bền kéo đứt (chiều dọc): 172.6 N Độ giãn 100% sau khi căng 4 giờ: 6.3 Độ bền nén thùng: 186.4 N Độ giãn dài khi đứt (chiều dọc): 216.0 %: 7.5cmx2m       | 1 cuộn/gói    | Cuộn | 600 |  |
| 69                         | 3 | Băng bó bột (bột bó băng xương gãy) | Kích thước: 10cm x 4.6m<br>Làm bằng sợi vải cotton và bột thạch cao<br>Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn<br>Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt                                                                        | 72 cuộn/thùng | Cuộn | 144 |  |

|    |   |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |      |      |  |
|----|---|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------|--|
|    |   |                                     | trong một túi cách nước<br>Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                   |                |      |      |  |
| 70 | 4 | Băng bó bột (bột bó băng xương gãy) | Kích thước: 15cmx4.6m<br>Làm bằng sợi vải cotton và bột thạch cao<br>Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn<br>Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước<br>Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13486                                                               | 48 cuộn/ thùng | Cuộn | 144  |  |
| 71 | 5 | Bông y tế                           | 100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt, đóng gói 1Kg/gói                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1kg/gói        | Kg   | 130  |  |
| 72 | 6 | Băng gạc hút nước                   | Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước < 5s - Hàm lượng chất tan trong nước: không quá 0.5% - Hàm lượng chất béo: < 0.1%": 18x26, khổ 0.8m | 100m/ cuộn     | Mét  | 8000 |  |

|    |    |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                          |            |     |      |  |
|----|----|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|------|--|
| 73 | 7  | Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6/6. Chỉ được nhuộm màu xanh (FDA FD & Blue NO.2 hoặc màu đen (Logwood extract). Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Kim thép không gỉ phủ silicon. 10/0 (30CM) | Hộp 12 tép | Tép | 40   |  |
| 74 | 8  | Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6/6. Chỉ được nhuộm màu xanh (FDA FD & Blue NO.2 hoặc màu đen (Logwood extract). Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Kim thép không gỉ phủ silicon. 7/0 (75CM)  | Hộp 12 tép | Tép | 60   |  |
| 75 | 9  | Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon. 2/0<br>Khử trùng: Bức xạ Gamma<br>Tiêu chuẩn ISO, CE                                                                                                               | Hộp 12 tép | Tép | 400  |  |
| 76 | 10 | Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon. 3/0<br>Khử trùng: Bức xạ Gamma<br>Tiêu chuẩn ISO, CE                                                                                                               | Hộp 12 tép | Tép | 1000 |  |
| 77 | 11 | Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut      | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. kim tròn                                                                                                                                               | Hộp 24 tép | Tép | 500  |  |

|    |    |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |     |       |  |
|----|----|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-------|--|
| 78 | 12 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi            | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hộp 12 tép | Tép | 1300  |  |
| 79 | 13 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi            | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hộp 12 tép | Tép | 800   |  |
| 80 | 14 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi            | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hộp 12 tép | Tép | 400   |  |
| 81 | 15 | Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần | <p>Nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, van truyền chắc chắn, cứng, sắc, nhọn. Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn 0.2µm không thấm nước.</p> <p>Bầu đếm giọt (ống cứng): Nhựa PVC nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, bầu nhựa mềm, trong suốt, giúp dễ quan sát theo dõi đếm giọt. Bầu nhỏ giọt có dung tích <math>\geq 8.5\text{ml}</math> (20 giọt/ml), đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm, chiều dài 45mm có thành dày đều: 0.9mm. Phía cuối bầu nhỏ giọt được gắn màng lọc dịch (lưới lọc) kích thước 15µm</p> <p>Dây dẫn ống mềm: 1500 mm được làm từ nhựa nguyên sinh PVC cao cấp + Silicone, mềm, dẻo, dai và có độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản</p> | Túi 1 bộ   | Bộ  | 30000 |  |

|    |    |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |            |     |     |  |
|----|----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|--|
|    |    |                 | <p>và sử dụng</p> <p>Bộ phận đầu nối: Nguyên liệu nguyên sinh. Có cổng tiêm thuốc chữ Y</p> <p>Đầu nối kim: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |     |     |  |
| 82 | 16 | Bơm tiêm cho ăn | <p>Dung tích xy lanh 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Pít tông có khía bề gầy để hủy, không có ba vĩa. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</p>                                                                                                                                                                             | hộp 25 cái | Cái | 100 |  |
| 83 | 17 | Dây thở oxy     | <p>Dây dẫn chiều dài <math>\geq 2\text{m}</math> được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC y tế, Ống tròn đường kính 2 - 2,5 mm. Đầu mũi dài 0,5cm.</p> <p>Có đầu nối trượt luer (thông thường) và đầu nối khóa luer (loại mới phổ biến), trong khi đầu nối khóa luer được thiết kế để kết nối chặt chẽ hơn với hệ thống cung cấp oxy trung tâm trong bệnh viện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm cỡ người lớn.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul> | Túi 1 bộ   | Cái | 700 |  |

|    |    |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |     |       |  |
|----|----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-------|--|
| 84 | 18 | Dây thở oxy                    | <p>Dây dẫn chiều dài <math>\geq 2\text{m}</math> được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC y tế, Ống tròn đường kính 2 - 2,5 mm. Đầu mũi dài 0,5cm.</p> <p>Có đầu nối trượt luer (thông thường) và đầu nối khóa luer (loại mới phổ biến), trong khi đầu nối khóa luer được thiết kế để kết nối chặt chẽ hơn với hệ thống cung cấp oxy trung tâm trong bệnh viện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm cỡ trẻ em</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul> | Túi 1 bộ   | Cái | 200   |  |
| 85 | 19 | Găng tay y tế latex có bột     | <p>Chế tạo từ latex cao su tự nhiên hoặc nitrile</p> <p>Có phủ bột. Chiều dày trung bình cho các cỡ: tối thiểu 0,08mm</p> <p>Chiều dài : tối thiểu từ 220mm - 230mm</p> <p>Hàm lượng protein tan trong nước : Dưới 200 <math>\mu\text{g}/\text{dm}^2</math></p> <p>Lượng bột: <math>\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2</math></p>                                                                                                                                                                       | 50 đôi/hộp | Đôi | 30000 |  |
| 86 | 20 | Găng tay phẫu thuật tiệt trùng | <p>Găng phẫu thuật tiệt trùng bằng khí (E.O)</p> <p>Chiều dài: 275mm ( <math>\pm 5</math> ) đến 282mm ( <math>\pm 7</math> )</p> <p>Chiều rộng : 83mm ( <math>\pm 5</math> ) đến 89mm ( <math>\pm 5</math> )</p> <p>Độ dày : 0,15 ÷ 0,20</p>                                                                                                                                                                                                                                                      | 50 đôi/hộp | Đôi | 5000  |  |

|    |    |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                          |      |        |  |
|----|----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------|--------|--|
|    |    |                                      | Lượng bột : $\leq 15\text{mg/dm}^2$ hoặc $80\text{mg} \pm 20\text{mg}$ ( lượng bột nằm ở mặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                          |      |        |  |
| 87 | 21 | Gel siêu âm                          | Gel siêu âm thuộc dạng tan trong nước ( water - base ) được dùng phổ biến trong chẩn đoán siêu âm y khoa. Gel không có chất ăn mòn, không gây hồng da đầu, không chứa chất bảo quản và dầu đặc biệt không gây dị ứng cho da.                                                                                                                                                                                                   | can 5 lít                | Lít  | 200    |  |
| 88 | 22 | Giấy điện tim                        | Giấy điện tim kích thước 80mm x 20m ( sọc đỏ )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | gói 1 cuộn               | Cuộn | 300    |  |
| 89 | 23 | Giấy điện tim                        | Giấy điện tim 3 cần (sọc cam) 63mm x 30m                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 10 cuộn              | Cuộn | 100    |  |
| 90 | 24 | Giấy in siêu âm dùng cho máy siêu âm | Dùng cho máy siêu âm. KT giấy 110 mmx20m. Giấy chất liệu tốt, in kết quả rõ đẹp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | hộp 10 cuộn              | Cuộn | 200    |  |
| 91 | 25 | Kim châm cứu các loại, các cỡ        | -Thân kim làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp, kim thẳng, tròn, dẻo, không có độ nhám bề mặt, mũi kim được tự động đánh bóng bằng máy, sắc bén, không gây đau. - Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, đốc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều.- Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE | 10 cái/ túi, 10 túi/ hộp | Cái  | 250000 |  |

|    |    |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |     |      |  |
|----|----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----|------|--|
|    |    |                      | '- Kích thước: Đường kính : 0,25- 0,45 (mm). Chiều dài : L : 0,25-0,75 (mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |     |      |  |
| 92 | 26 | Kim chích máu        | <p>- Kim số 28G, Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác. Tiện dụng, đơn giản, dễ sử dụng và không gây đau, Bằng thép không gỉ và tiệt trùng từng cây bằng E.O. Không độc hại, không có chất gây sốt. Quy cách: 100 cây/hộp. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần.</p> <p>- Hạn sử dụng 5 năm.</p> <p>- Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016; CE</p>                                                                                          | 100<br>cây/hộp | Cái | 3000 |  |
| 93 | 27 | Kim chọc dò tủy sống | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống</li> <li>• Dễ chọc với đầu kim vát Quincke point.</li> <li>• Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn</li> <li>• Tốc độ dòng chảy cao dễ phát hiện dịch não tủy chảy ra.</li> <li>• Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống</li> <li>• Tiệt trùng bằng khí EO</li> </ul> <p>TCCL: ISO</p> <p>•Thông số kỹ thuật:</p> | hộp 100<br>cái | Cái | 600  |  |

|    |    |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |     |      |  |
|----|----|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----|------|--|
|    |    |                           | 20921: 18Gx3.50IN - Ø1.2x90±<br>0.1mm<br>20923: 20Gx3.50IN - Ø0.9x90±<br>0.1mm<br>20925: 22Gx3.50IN - Ø0.7x90±<br>0.1mm<br>20926: 23GX3.50IN - Ø0.6X90±<br>0.1mm<br>20928: 25Gx3.50IN - Ø0.5x90±<br>0.1mm<br>20930: 27Gx3.50IN - Ø0.4x90±<br>0.1mm                                                         |                |     |      |  |
| 94 | 28 | Kim gây tê nha khoa       | Kim sắc nhọn nhờ sử dụng công nghệ<br>cắt vát 2 lần. Cỡ kim được phân biệt<br>bằng màu sắc trên đốc kim theo tiêu<br>chuẩn ISO. Cán kim dài dễ cầm khi<br>chọc nhiều vùng ven khác nhau. Cỡ<br>kim: 27Gx1/16. Quy cách đóng gói:<br>100 cái/hộp, đóng gói từng chiếc bằng<br>vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn. | 100<br>cái/hộp | Cái | 1500 |  |
| 95 | 29 | Dụng cụ kiểm tra huyết áp | Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 0<br>~300mmHg<br>Độ chính xác ± 3mmHg<br>Hệ thống ống dẫn khí, bao gồm bao<br>vải + quả bóp có van: Cỡ người lớn                                                                                                                                                             | hộp 1 bộ       | Cái | 10   |  |

|    |    |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |     |     |  |
|----|----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----|-----|--|
| 96 | 30 | Dụng cụ kiểm tra huyết áp                                           | Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 0 ~300mmHg<br>Độ chính xác $\pm 3\text{mmHg}$<br>Hệ thống ống dẫn khí, bao gồm bao vải + quả bóp có van: Cỡ trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | hộp 1 bộ     | Cái | 5   |  |
| 97 | 31 | Dụng cụ kiểm tra huyết áp                                           | Thiết kế mặt nghe :2 mặt. Chuông & màng chắn, loại hai chiều có độ nhạy âm cao. Càng ống nghe làm bằng chất liệu Aluminum. Dây dẫn có thiết kế chữ Y: nhựa P.V.C. Màu xám hoặc đen                                                                                                                                                                                                                                                                      | hộp 1 bộ     | Cái | 10  |  |
| 98 | 32 | Ống nội khí quản sử dụng một lần (bao gồm ống nội khí quản canlene) | Chất liệu ống: Chất liệu nhựa nhiệt dẻo PVC độ mềm 82 IRHD theo ISO 2039, dễ uốn cong nhưng không bị gập giúp hạn chế gây tổn thương khí quản của bệnh nhân có bóng chèn (cuffed). Bóng chèn Cuffed là bóng PVC độ dày 80um Đầu xa của ống có dạng thiết kế mũi bò chống tạo cạnh sắc cho đầu ống giảm tổn thương thành khí quản. Thân ống có đánh dấu điểm Marker cho bác sỹ dễ theo dõi độ sâu của ống. đường đánh dấu x quang dọc thân ống, Số 7.0mm | thùng 10 cái | Cái | 100 |  |
| 99 | 33 | Ống nội khí quản sử dụng một lần (bao gồm ống nội khí quản canlene) | Chất liệu ống: Chất liệu nhựa nhiệt dẻo PVC độ mềm 82 IRHD theo ISO 2039, dễ uốn cong nhưng không bị gập giúp hạn chế gây tổn thương khí quản của bệnh nhân có bóng chèn (cuffed). Bóng chèn Cuffed là bóng PVC độ dày 80um Đầu xa của ống có dạng thiết kế mũi                                                                                                                                                                                         | thùng 10 cái | Cái | 50  |  |

|     |    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |            |     |     |  |
|-----|----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|--|
|     |    |                  | bò chống tạo cạnh sắc cho đầu ống giảm tổn thương thành khí quản. Thân ống có đánh dấu điểm Marker cho bác sỹ dễ theo dõi độ sâu của ống. đường đánh dấu x quang dọc thân ống, Số 7.5mm                                                                                                                                                                                        |            |     |     |  |
| 100 | 34 | Ống thông dạ dày | <p>Dây có chiều dài 120cm, không nắp, có cản quang suốt chiều dài ống. Đảm bảo vô khuẩn.</p> <p>'- Dây làm bằng chất liệu PVC y tế.</p> <p>- Ống trơn láng, không sần sùi hay đập nứt.</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE</p> <p>- Quy cách đóng gói: hộp /50 cái.</p> <p>- Hạn sử dụng 5 năm.</p> <p>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016</p> <p>- Số 16</p> | Hộp 50 cái | Cái | 100 |  |

|     |    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |     |     |  |
|-----|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|--|
| 101 | 35 | Ống thông tiểu     | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Ống thông tiểu 3 nhánh được làm từ cao su thiên nhiên và bề mặt ống phủ Silicone để làm giảm phản ứng dị ứng.</li> <li>Dây có chiều dài 40cm</li> <li>- Có bóng thể tích bóng 30ml</li> <li>- Van cao su</li> <li>- Ống thông tiểu 3 nhánh được thông qua niệu đạo và vào bàng quang để dẫn thoát nước tiểu</li> <li>- Ống thông mềm tương thích với các chất bôi trơn</li> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt</li> <li>- Đầu ống mềm, tròn được bít lại, với hai lỗ bên để thoát nước hiệu quả</li> <li>- Đóng gói và tiệt trùng EO riêng cho từng sản phẩm</li> <li>- Size 16Fr</li> <li>- Thời hạn sử dụng 5 năm</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016</li> </ul> | hộp 10 cái | Cái | 600 |  |
| 102 | 36 | Túi đựng nước tiểu | <p>Thông số kỹ thuật: Dung lượng: 2000ml. Túi có van xả phía dưới, miệng ống 90cm, van không chảy ngược và có van kéo đẩy.</p> <p>2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng hệ thống thoát nước tiểu khép kín. Thích hợp cho việc sử dụng dài hạn và ngắn hạn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | túi 1 cái  | Cái | 600 |  |

|     |    |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |     |      |  |
|-----|----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|------|--|
| 103 | 37 | Túi máu đơn có dung dịch bảo quản CPDA-1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi máu dùng một lần bằng PVC, hàn liền khối, các góc được bo tròn: Có khả năng thu thập <math>\geq 250\text{ml}</math> máu toàn phần.</li> <li>- Túi chứa sẵn <math>\geq 35\text{ml}</math> dung dịch chống đông.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10 túi/túi nhôm | Túi | 20   |  |
| 104 | 38 | Dây truyền máu                           | <p>Chiều dài dây: <math>\geq 150\text{cm}</math>. Tỷ lệ giọt: 20 giọt/mL.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kim 18G, thành kim mỏng lòng rộng cho dòng chảy lớn, phủ silicon tạo độ trơn khi đâm kim.</li> <li>* Lưới lọc: có lỗ mắt lưới nhỏ cỡ <math>\leq 180 - \geq 200\mu\text{m}</math>, ngăn cản huyết khối được hình thành.</li> <li>* Chất liệu dây: PVC (Polyvinyl Chloride).</li> <li>* Sử dụng công nghệ Teruflex, không tiết bất kỳ thành phần nào vào máu, các tế bào máu không bị tổn thương.</li> <li>* Dây truyền không độc, mềm dẻo và có độ đàn hồi tốt.</li> <li>* Khử trùng bằng khí EO.</li> <li>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.</li> <li>* Quy cách đóng gói: 50 bộ/hộp.</li> </ul> | 50 bộ/hộp       | Bộ  | 20   |  |
| 105 | 39 | Kẹp rốn                                  | Được làm từ nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hộp 100 Cái     | Cái | 2000 |  |

|     |    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |     |    |  |
|-----|----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|
|     |    |                     | Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |     |    |  |
| 106 | 40 | Dây hút dịch (nhót) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây 50cm.</li> <li>- Đầu lắp vào thông mở, dạng tròn với hai lỗ ở hai bên.</li> <li>- Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Không quá cứng hoặc quá mềm.</li> <li>- Sản phẩm có van điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay.</li> <li>- Được chế tạo từ nguyên liệu nhựa PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng.</li> <li>- Sản phẩm được mã hóa màu giúp nhận diện kích cỡ cách nhanh chóng.</li> <li>- Kích cỡ: 16.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng biệt từng cái.</li> <li>- Hạn sử dụng 5 năm.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC</li> </ul> | túi 20 cái | Cái | 50 |  |

|     |    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |     |    |  |
|-----|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|
| 107 | 41 | Dây hút dịch (nhót) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây 50cm.</li> <li>- Đầu lắp vào thông mở, dạng tròn với hai lỗ ở hai bên.</li> <li>- Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Không quá cứng hoặc quá mềm.</li> <li>- Sản phẩm có van điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay.</li> <li>- Được chế tạo từ nguyên liệu nhựa PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng.</li> <li>- Sản phẩm được mã hóa màu giúp nhận diện kích cỡ cách nhanh chóng.</li> <li>- Kích cỡ: 14</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng biệt từng cái.</li> <li>- Hạn sử dụng 5 năm.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC</li> </ul> | túi 20 cái | Cái | 50 |  |
|-----|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|

|     |    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |     |    |  |
|-----|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|
| 108 | 42 | Dây hút dịch (nhót) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây 50cm.</li> <li>- Đầu lắp vào thông mở, dạng tròn với hai lỗ ở hai bên.</li> <li>- Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Không quá cứng hoặc quá mềm.</li> <li>- Sản phẩm có van điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay.</li> <li>- Được chế tạo từ nguyên liệu nhựa PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng.</li> <li>- Sản phẩm được mã hóa màu giúp nhận diện kích cỡ cách nhanh chóng.</li> <li>- Kích cỡ: 12</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng biệt từng cái.</li> <li>- Hạn sử dụng 5 năm.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC</li> </ul> | túi 20 cái | Cái | 50 |  |
|-----|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|

|     |    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |     |    |  |
|-----|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|
| 109 | 43 | Dây hút dịch (nhót) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây 50cm.</li> <li>- Đầu lắp vào thông mở, dạng tròn với hai lỗ ở hai bên.</li> <li>- Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Không quá cứng hoặc quá mềm.</li> <li>- Sản phẩm có van điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay.</li> <li>- Được chế tạo từ nguyên liệu nhựa PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng.</li> <li>- Sản phẩm được mã hóa màu giúp nhận diện kích cỡ cách nhanh chóng.</li> <li>- Kích cỡ: 10</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng biệt từng cái.</li> <li>- Hạn sử dụng 5 năm.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC</li> </ul> | túi 20 cái | Cái | 50 |  |
|-----|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|

|     |    |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |     |     |  |
|-----|----|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----|--|
| 110 | 44 | Dây hút dịch (nhót)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây 50cm.</li> <li>- Đầu lắp vào thông mở, dạng tròn với hai lỗ ở hai bên.</li> <li>- Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Không quá cứng hoặc quá mềm.</li> <li>- Sản phẩm có van điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay.</li> <li>- Được chế tạo từ nguyên liệu nhựa PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng.</li> <li>- Sản phẩm được mã hóa màu giúp nhận diện kích cỡ cách nhanh chóng.</li> <li>- Kích cỡ: 8</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng biệt từng cái.</li> <li>- Hạn sử dụng 5 năm.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC</li> </ul> | túi 20 cái | Cái | 50  |  |
| 111 | 45 | Gạc phẫu thuật ổ bụng | <p>Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên;</li> <li>- Độ acid và độ kiềm: Đạt trung</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5 cái/gói  | Gói | 300 |  |

|     |    |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                         |                  |      |      |  |
|-----|----|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------|------|--|
|     |    |                                                    | tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin;<br>- Tốc độ hút nước < 5s. 40 x 40cm x 4 lớp                                                                                                                                                    |                  |      |      |  |
| 112 | 46 | Lưỡi dao mổ số 10                                  | Lưỡi dao mổ làm bằng thép không gỉ hoặc thép cacbon đạt chứng chỉ ISO, CE                                                                                                                                                               | Hộp 100 Cái      | Cái  | 1000 |  |
| 113 | 47 | Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học                | Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học.                                                                                                                                                                                                    | hộp 10 cuộn      | cuộn | 500  |  |
| 114 | 48 | Nhiệt kế thủy ngân                                 | Chất liệu: thủy tinh, có cột thủy ngân, đầu đo tiếp nhiệt.<br>- Phạm vi đo 32 °C - 42 °C<br>- Bước đo Cộng hoặc trừ 0,1 °C;<br>- Kích thước 150 * 45 * 15 mm<br>- Nhiệt độ làm việc 10 đến 40 °C (50-104 °F)                            | hộp 1 cái        | cái  | 300  |  |
| 115 | 49 | Viên khử khuẩn                                     | Viên sủi khử khuẩn 2,5g. Thành phần: Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric acid 18%, thành phần khác 32% Độ pH: 5,8                                                                                                                   | Hộp 100 viên     | viên | 2000 |  |
| 116 | 50 | Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml nắp xanh lá, mous thấp | Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% kháng đông cho 2ml máu. được đóng trên đế mous thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. | 2.400 ống/ thùng | Ống  | 3000 |  |
| 117 | 51 | NK-PYLORI TEST                                     | Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H.pylori có trong bệnh                                                                                                                                                                    | Hộp 20 test      | Test | 1000 |  |

|     |    |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |     |     |  |
|-----|----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|-----|--|
|     |    |                                                               | phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy.<br>Hộp 20 test                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     |     |     |  |
| 118 | 52 | Túi Bọc Camera Phòng Mổ                                       | Chất liệu: Nhựa PE trắng trong suốt<br>Thông số kỹ thuật: Miệng bao được cố định bởi 2 vòng kép lồng vào nhau, đường kính 97mm, vòng ngoài có bề dày trung bình 1,5mm, vòng trong có bề dày 1,8mm. Phần bao nylon để luồn camera khi thao tác dài 2m, bề rộng bản 150mm và có bề dày 0,03mm<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO | 1 cái/bao           | Cái | 200 |  |
| 119 | 53 | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao ortho-Phthalaldehyde CIDEX OPA | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8<br>Quy cách: Can $\geq 3.78$ lít.                                                                                                                                                                                                      | Can $\geq 3.78$ lít | Can | 50  |  |
| 120 | 54 | Nẹp tăng áp bản nhỏ                                           | Nẹp bản nhỏ, dày 3.5mm, chất liệu thép y khoa, 7 lỗ, dài từ 50mm đến 211mm, lỗ hình tròn, dùng vít vỏ 3.5mm, chất liệu thép không gỉ SS316L, đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA                                                                                                                                            | 01 cái/ túi         | Cái | 10  |  |
| 121 | 55 | Vít xương cứng 3.5mm                                          | Vít xương cứng 3,5mm, lỗ xiết vít lục giác, thích hợp dụng cụ vặn vít 2.5mm + Bước ren kiểu Cortex (20 TPI) + Đầu vít Self-tapping + Chiều dài: 20mm, chất liệu thép không gỉ SS316L, đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA                                                                                                   | 10 cái/túi          | Cái | 30  |  |

|     |    |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |     |       |  |
|-----|----|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----|-------|--|
| 122 | 56 | Đinh Kirschner                                         | Đường kính 1.0mm. Hai đầu nhọn, dài 300mm, chất liệu thép không gỉ SS316L, đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 10 cái/túi  | Cái | 20    |  |
| 123 | 57 | Giấy monitor sản khoa                                  | Giấy monitor sản khoa Bistos BT-300, FS130-120-30R-01 130mm x 120mm x 300sh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 10 xấp/ tệp | Xấp | 10    |  |
| 124 | 58 | Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp cao su xanh dương mous thấp | Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1$ ml, nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp, được đóng trên hộp để thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016                                                                                  | 100 ống/hộp | Ống | 48000 |  |
| 125 | 59 | Cán dao điện                                           | <p>Chất liệu: khung hợp chất nhựa - thép, đầu điện cực bằng thép không gỉ, cáp đồng cách điện silicone với phích cắm mà thiếc.</p> <p>Thân có 2 nút bấm " Cut - Coag " có phân biệt màu sắc vàng và xanh để kích hoạt cắt - đốt.</p> <p>- Chiều dài bút : 155mm, chiều dài dây cáp: 300cm</p> <p>- Cổng nối vào máy cắt đốt là loại 3 chấu.</p> <p>- Dùng 1 lần, được tiệt trùng bằng khí EO</p> | 1 cái/túi   | Cái | 200   |  |

|     |    |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |            |     |    |  |
|-----|----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|
| 126 | 60 | Kim sinh thiết bán tự động | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kim sinh thiết bán tự động lấy mẫu từ mô mềm và các tạng (vú, gan, phổi, thận...)</li> <li>* 2 độ sâu lấy mẫu lựa chọn: 10mm-20mm</li> <li>* Độ sâu thâm nhập: Với độ sâu lấy mẫu 10mm thì độ sâu thâm nhập = 11mm; Với độ sâu lấy mẫu 20mm thì độ sâu thâm nhập = 22mm</li> <li>* Thiết kế đầu kim tăng âm, không gây tổn thương, tay cầm gọn nhẹ, các cỡ được mã hóa bằng màu sắc. Mũi kim vát 25°</li> <li>* Kích cỡ: 14G-16G-18G-20G, chiều dài kim: 9 – 10 – 12 – 15 – 16 – 20 – 25cm</li> <li>* Chất liệu:<br/>Thân kim: thép không gỉ 304,<br/>Đầu kết nối: Acetal,<br/>Lò xo: thép không gỉ AISI 302<br/>Vỏ bảo vệ: LDPE<br/>Tay cầm: PC</li> <li>* Vạch đánh dấu độ sâu cm trên thân, bắt đầu từ 2cm và cách nhau mỗi 1cm</li> <li>* Tiệt trùng bằng EO</li> <li>* Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE và FDA.</li> </ul> | 1 cái/ túi | Cái | 10 |  |
|-----|----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----|--|

|     |    |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                          |     |    |  |
|-----|----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|----|--|
| 127 | 61 | Clip mạch máu Polymer | <p>Chất liệu: clip chất liệu acetyl homopolymer, nắp chụp khay bằng nhựa PET, khay cài bằng nhựa HDPE, vĩ đựng clip bằng nhựa ABS, sử dụng trong các quy trình phẫu thuật nói chung, dùng một lần, không tiêu. Thiết kế lỗ giúp giữ clip trong ngoàm của kìm, giảm khả năng rơi clip và trượt trong quá trình làm thủ tục. Bản lề linh hoạt cho phép định vị lại clip trước khi khóa, đảm bảo lực luôn duy trì ổn định. Bản lề rộng cho phép bao trùm nhiều mô hơn các clip kim loại. Các răng vuông góc cung cấp độ bao phủ bề mặt lớn hơn, ức chế sự di chuyển, tăng bám dính mạch máu.</p> <p>* Có khóa an toàn và chắc chắn, đóng gói: 6 cái/ vĩ; 14 vĩ/ hộp</p> <p>Cỡ L: vĩ màu Tím (Purple), phù hợp mô và mạch máu có đường kính 5 mm - 13 mm; chiều rộng clip 1,280+0,127mm và 1,279-0,127mm; chiều dài clip 12,82±0.1mm; đường kính mạch máu khóa 1,2324mm, đường kính mạch máu lõi 1,2325mm; chiều rộng bản lề 0,243mm; độ dày răng khóa 0,102mm; độ dày clip 1,3±0,05mm; chiều rộng phần lõi 1,32±0,05mm; đường kính phần lõi của clip khi đóng 2,081±0,005mm; đường kính phần lõi</p> | 6 cái/ vĩ;<br>14 vĩ/ hộp | Cái | 60 |  |
|-----|----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|----|--|

|                                |  |  |                                                                                                                                                |  |  |  |  |
|--------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|                                |  |  | của clip khi mở $10,20 \pm 0,25\text{mm}$ và<br>$10,51 \pm 0,25\text{mm}$<br><br>*Chứng nhận chất lượng: ISO13485,<br>FDA<br>* Xuất xứ: Hoa Kỳ |  |  |  |  |
| <b>Tổng cộng 127 mặt hàng.</b> |  |  |                                                                                                                                                |  |  |  |  |